

Số: **26** /2016/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **26** tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy chế phối hợp trong công tác
theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 205/TTr- STP ngày 29/7/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Cục KTVB – Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- Hội Luật gia; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Báo Bắc Kạn; Đài PTTH tỉnh;
- LĐV.P;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, PC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành

pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo Quyết định số **26** /2016/QĐ-UBND ngày **26**/8/2016 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về mục đích, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

2. Quy chế này áp dụng đối với các các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ quan, đơn vị trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

2. Xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

3. Phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc phối hợp, bảo đảm chặt chẽ trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, phân công trách nhiệm của từng cơ quan trong việc chủ trì, phối hợp tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý đối với công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh;

2. Hoạt động phối hợp phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời, bảo đảm khách quan, công khai và minh bạch;

3. Nội dung phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp; bảo đảm yêu cầu chuyên môn, chất lượng và hiệu quả công việc.

Điều 4. Cơ quan đầu mối trong công tác theo dõi thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện:

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý.

Chủ trì giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật và làm đầu mối tổ chức thực hiện kế hoạch khi được ban hành;

2. Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh:

Phòng pháp chế hoặc công chức được giao làm công tác pháp chế hoặc đơn vị được giao làm đầu mối ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan chuyên môn triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị.

3. Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã:

Làm đầu mối, chủ trì phối hợp với các công chức khác có liên quan giúp Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

Chương II NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 5. Xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Phối hợp trong việc xem xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

1.1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Nghiên cứu, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước cấp trên ban hành, xác định nội dung cần tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành để quy định chi tiết vấn đề được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo thẩm quyền;

b) Đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; Hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;

c) Xây dựng dự thảo và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để trình Hội

đồng nhân dân tỉnh ban hành theo đúng nội dung, tiến độ đã được cấp có thẩm quyền tại tiểu tiết b điểm 1.1 khoản 1 điều này quyết định;

d) Ngoài việc đề nghị và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, thường xuyên rà soát, theo dõi, đối chiếu với quyết định xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hằng năm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành để phát hiện các văn bản chưa được ban hành hoặc không đảm bảo tiến độ và chất lượng soạn thảo hoặc không cần thiết phải ban hành, xác định nguyên nhân và kiến nghị phương án xử lý;

đ) Phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh quyết định xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh quyết định xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành.

1.2. Sở Tư pháp:

Căn cứ các nội dung tại khoản 1 Điều này, chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các việc sau:

a) Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc rà soát, đề nghị ban hành văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Đánh giá tiến độ của việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở so sánh với thời điểm dự kiến cần phải ban hành theo tiến độ đã được giao;

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tình hình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của Bộ Tư pháp. Báo cáo nêu rõ tiến độ xây dựng đối với từng văn bản, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

2. Xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết:

Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy phạm pháp luật được xem xét, đánh giá theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 14/2014/TT-BTP. Cụ thể:

2.1. Công chức chuyên trách cấp xã có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp nhận phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội đối với văn bản cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh liên quan đến lĩnh

vực được giao phụ trách, kịp thời phát hiện văn bản có nội dung không thống nhất, không đồng bộ, mâu thuẫn, chòng chéo với văn bản cấp trên và kiến nghị hình thức xử lý, gửi công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý;

2.2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp huyện có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp nhận phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội đối với văn bản cấp huyện, cấp tỉnh, Trung ương thuộc lĩnh vực cơ quan mình quản lý, kịp thời phát hiện văn bản có nội dung không thống nhất, đồng bộ, mâu thuẫn, chòng chéo với văn bản cấp trên và kiến nghị hình thức xử lý, gửi Phòng Tư pháp.

Phòng Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý;

2.3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp nhận phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách, kịp thời phát hiện văn bản có nội dung không thống nhất, không đồng bộ, mâu thuẫn, chòng chéo với văn bản cấp trên, gửi danh mục kiến nghị hình thức xử lý đến Sở Tư pháp.

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh phân công Phòng pháp chế hoặc công chức được giao làm công tác pháp chế hoặc đơn vị được giao làm đầu mối tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ này. Công chức được giao làm nhiệm vụ pháp chế hoặc đơn vị làm đầu mối có trách nhiệm kịp thời tổng hợp, tham mưu Thủ trưởng cơ quan gửi danh mục và kiến nghị hình thức xử lý đến Sở Tư pháp

2.4. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý văn bản theo quy định.

3. Xem xét, đánh giá tính khả thi của văn bản:

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phát hiện, xem xét, đánh giá văn bản cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh, Trung ương có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, kiến nghị hình thức xử lý gửi đến cá nhân, cơ quan có thẩm quyền theo trình tự và thời gian quy định.

Điều 6. Xem xét, đánh giá việc bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân căn cứ Điều 9 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 14/2014/TT-BTP tổng hợp nhu cầu về tổ chức bộ máy, số lượng, tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức, nhu cầu về kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, đề xuất và kiến nghị việc bảo đảm điều kiện cho thi hành pháp luật, gửi cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ, tài chính cùng cấp để tổng hợp, xử lý theo quy định;

2. Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, phân tích, xem xét các kiến nghị, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý và gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, theo dõi;

3. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp từ cấp xã đến cấp tỉnh để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý, chỉ đạo hoặc kiến nghị xử lý theo quy định.

Điều 7. Xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các bước theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

Điều 8. Xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Xây dựng và ban hành kế hoạch:

1.1. Đối với cấp tỉnh: Căn cứ nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh;

1.2. Đối với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện: Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành, kịp thời xây dựng, ban hành kế hoạch sau 10 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương;

1.3. Đối với cấp xã: Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cấp huyện và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi, lĩnh vực, địa phương quản lý, kịp thời xây dựng, ban hành kế hoạch sau 10 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân huyện ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Nội dung kế hoạch đảm bảo thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã trên cơ sở định hướng, chỉ đạo của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên cơ sở lĩnh vực trọng tâm được xác định trong kế hoạch của cấp tỉnh, sự chỉ đạo của Bộ, ngành chuyên môn, các đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế, chủ động chọn lĩnh vực cụ thể để tổ chức theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được thực hiện bằng một trong các hình thức:

3.1. Xây dựng kế hoạch riêng về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

3.2. Lồng ghép công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật với kế hoạch chung của cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Cơ quan theo dõi, chỉ đạo thực hiện kế hoạch:

Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật được gửi đến các cơ quan, đơn vị sau để theo dõi và chỉ đạo:

4.1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh: Gửi cho Bộ Tư pháp;

4.2. Đối với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện: Gửi cho Sở Tư pháp;

4.3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: Gửi cho Phòng Tư pháp.

Điều 9. Tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát về tình hình thi hành pháp luật; Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Thi hành án dân sự cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động truy tố, xét xử, thi hành án; Hội Luật gia, Đoàn Luật sư cung cấp ý kiến của các luật gia, luật sư về các vấn đề liên quan đến tình hình thi hành pháp luật; các Hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính khả thi của văn bản pháp luật; các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật; tổ chức, công dân có quyền gửi ý kiến, kiến nghị về tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh;

2. Các ý kiến, kiến nghị gửi bằng văn bản hoặc tại các đợt kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề.

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã là đầu mối tiếp nhận thông tin để phân tích, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp xử lý, kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

Công tác kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 8, Điều 9, Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

Điều 11. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

Điều 12. Chế độ báo cáo

Định kỳ hằng năm, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo tình hình theo dõi thi hành pháp luật như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương gửi về Phòng Tư pháp trước ngày 03/10 hằng năm để tổng hợp kết quả chung;

2. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật của đơn vị, địa phương gửi Sở Tư pháp trước ngày 08/10 hằng năm để tổng hợp kết quả chung;

3. Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xây dựng báo cáo chung toàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp trước ngày 15/10 hằng năm;

4. Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương theo quy định;

5. Nội dung, hình thức và báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3; Điều 4 và khoản 2, Điều 5 Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

6. Thực hiện chế độ báo cáo đột xuất theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh theo quy định;

2. Hằng năm, phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật, trong đó lựa chọn lĩnh vực trọng tâm để điều tra, khảo sát, kiểm tra. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra để kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực do nhiều cơ quan thực hiện có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành;

3. Đôn đốc, theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và các văn bản có liên quan gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp theo đúng quy định;

4. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh;

5. Lựa chọn một số tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật để làm cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật; lập danh sách bộ phận chuyên môn và cán bộ đầu mối làm công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh

1. Hằng năm, căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, xây dựng và ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của ngành, đảm bảo sự phù hợp về lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật của ngành mình và kế hoạch chung của tỉnh;

2. Thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật do cơ quan, đơn vị mình quản lý; gắn công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

3. Tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và xử lý các thông tin về tình hình thi hành pháp luật do các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân cung cấp;

4. Định kỳ báo cáo kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực do mình quản lý gửi Sở Tư pháp tổng hợp theo quy định;

5. Lập danh sách cụ thể bộ phận và cán bộ được giao làm đầu mối thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị, gửi Sở Tư pháp tổng hợp chung toàn tỉnh.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương mình, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý;

2. Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định;

3. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng thời gian quy định. Có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

4. Lập danh sách cụ thể cán bộ được giao làm đầu mối thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương và gửi Sở Tư pháp để tổng hợp chung.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cấp huyện, ban hành kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các lĩnh vực trọng tâm khác phù hợp tình hình thực tế của địa phương, phối hợp với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã;

2. Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định;

3. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng thời gian quy định, xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

4. Lập danh sách cụ thể cán bộ được giao làm đầu mối thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương gửi Phòng Tư pháp để tổng hợp chung, gửi Sở Tư pháp.

Điều 17. Đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp tham gia công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh phối hợp thực hiện các nội dung tại Điều 9, Điều 12 Quy chế này và các nội dung tại Quy chế phối hợp số 1137/QCPH-STP-TAND-VKSND ngày 16/9/2013 giữa Sở Tư pháp với Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Quy chế phối hợp số 1136/QCPH-STP-UBMTTQ ngày 16/9/2013 giữa Sở Tư pháp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;

2. Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh:

Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật gửi đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bằng văn bản hoặc qua cổng thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định;

3. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức xã hội khác:

Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các đoàn viên, hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề pháp luật có liên quan khác đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bằng văn bản hoặc qua cổng thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định;

4. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Kạn cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật;

5. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này;

2. Quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

